	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/085

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường

2. Địa chỉ: Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Đặng Văn Cẩm - Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Tây, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3: Phạm Thị Phương Hoa - Địa chỉ: Thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thị Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
I	**Mức độ giám sát A**								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	11,0	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,98	7,71	7,94	7,91	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,25	0,34	0,57	0,19	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,77	0,75	0,72	0,76	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,184	0,368	0,368	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**								
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,816	0,803	0,927	0,829	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	7,91	7,02	5,23	6,99	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	92,0	90,0	88,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,32	6,22	6,95	6,95	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	KPH	< 0,2	< 0,2	KPH	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	92,0	90,0	93,0	95,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/085

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM
VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường

2. Địa chỉ: Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Đặng Văn Cẩm - Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Tây, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3: Phạm Thị Phương Hoa - Địa chỉ: Thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thị Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 06/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P - TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/086

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy

2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Thị Tuyết - Địa chỉ: Xóm Duy Tác Đông, xã Giao Bình, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Cao Đình Cẩm - Địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3: Trần Văn Hiến - Địa chỉ: Xóm Mỹ Bình, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
I	**Mức độ giám sát A**								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	6,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,98	7,88	7,88	7,95	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,12	0,42	0,35	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,72	0,58	0,63	0,67	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,552	0,368	0,552	0,552	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	< 0,11	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**								
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,990	0,894	0,950	0,871	Đạt
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	7,04	6,96	< 5,0	7,65	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	91,0	90,0	89,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,78	8,05	8,05	7,68	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	KPH	< 0,2	KPH	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	92,0	95,0	93,0	90,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/086

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM
VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy

2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Thị Tuyết - Địa chỉ: Xóm Duy Tác Đông, xã Giao Bình, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Cao Đình Cẩm - Địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3: Trần Văn Hiến - Địa chỉ: Xóm Mỹ Bình, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 06/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/087

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân

2. Địa chỉ: Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Công Thủy - Địa chỉ: Thôn 22, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Công Khoa - Địa chỉ: Thôn 23, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	**Mức độ giám sát A**							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,93	7,89	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,35	0,28	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,67	0,66	0,26	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,736	1,10	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,831	0,778	0,968	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	10,2	8,98	6,12	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	95,0	93,0	97,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	20,5	13,2	14,6	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	KPH	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	114	107	104	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/087

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân

2. Địa chỉ: Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Công Thủy - Địa chỉ: Thôn 22, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Công Khoa - Địa chỉ: Thôn 23, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm và Nguyễn Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 04/6/2026 đến 06/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No.: 2026/NĐ/088

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM
VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa An

2. Địa chỉ: Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Xuân Hoàng - Địa chỉ: Thôn Thanh Khê, xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Đỗ Thế Vịnh - Địa chỉ: Thôn Ngưu Trì, Xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	**Mức độ giám sát A**							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,94	7,85	7,76	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,24	0,42	0,33	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,65	0,42	0,35	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,184	0,368	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,671	0,712	0,814	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	8,57	7,19	5,60	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	91,0	90,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,68	7,32	6,58	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	< 0,2	< 0,2	KPH	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	92,0	90,0	94,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P
TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/088

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa An

2. Địa chỉ: Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Xuân Hoàng - Địa chỉ: Thôn Thanh Khê, xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Đỗ Thế Vịnh - Địa chỉ: Thôn Ngưu Trì, Xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 05/6/2026

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/089

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương

2. Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiện, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Rót, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	**Mức độ giám sát A**							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,96	7,88	7,88	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,16	0,22	0,14	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,70	0,75	0,62	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,552	0,552	0,368	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,729	0,851	0,828	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	7,25	7,28	< 5,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	90,0	90,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,95	6,58	7,32	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	KPH	KPH	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	91,0	93,0	95,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/089

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương

2. Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiện, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Rót, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 05/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/090

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng

2. Địa chỉ: Thôn 2 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Kim - Địa chỉ: Thôn Nam Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Luân - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	**Mức độ giám sát A**							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,83	7,95	7,90	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,28	0,75	0,44	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,82	0,50	0,29	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,552	0,552	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	< 0,11	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,732	0,793	0,823	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	12,0	11,3	7,53	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	93,0	96,0	96,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,6	9,88	9,51	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	KPH	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	100	101	103	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/090

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng

2. Địa chỉ: Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Kim - Địa chỉ: Thôn Nam Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Luân - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 05/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/091

VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quỹ Nhất

2. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Chiến - Địa chỉ: Xóm Hòa Lạc Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Vũ Văn Dũng - Địa chỉ: Xóm 2 Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	**Mức độ giám sát A**							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,96	7,80	7,93	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,22	0,24	0,37	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,84	0,68	0,48	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,552	0,552	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	**Mức độ giám sát B**							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,634	0,732	0,704	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E.2023	12,1	9,06	8,77	Đạt
11	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	97,0	97,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	14,3	14,0	14,3	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F^-.D.2023	0,328	0,282	0,256	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S^{2-}.F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	109	110	112	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P
TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/ND/091

ilac-MRA

NATIONAL ACCREDITATION BUREAU BoA VIETNAM
VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quỹ Nhất

2. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Chiến - Địa chỉ: Xóm Hòa Lạc Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Vũ Văn Dũng - Địa chỉ: Xóm 2 Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 05/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600415461 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH TỈNH NINH BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.